CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Pin Hà Nội

Ngày 31/12/2024	79,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	1.3%	**15.7%**	**13.3%**

DT thuần
Q4/24
106
tỷ VNĐ
QoQ: ▼17.0| -13.8%
YoY: ▲ 11.9| 12.7%

LN thuần
Q4/24
10.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▼8.90| -46.1%
YoY: ▼5.20| -33.4%

LN sau thuế
Q4/24
9.11
tỷ VNĐ
QoQ: ▼6.19| -40.5%
YoY: ▼3.29| -26.6%

Tỷ suất lãi EBIT
2024
16.4%
YoY: +/-▲ 1.3%

ROE
2024
38.9%
YoY: +/-▲ 1.4%

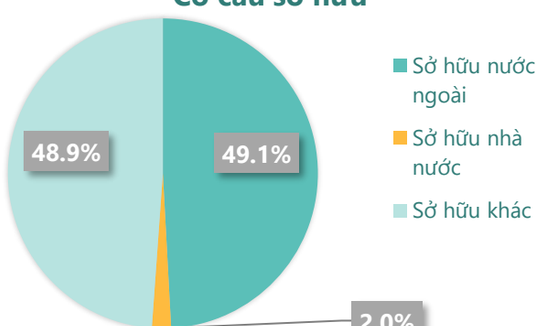
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	39,317 - 93,630
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	573
Số lượng CPLH (CP)	7,253,911
KLGD BQ 20 phiên (CP)	35
Sở hữu nước ngoài	49.1%
Beta	0.11
EPS	8,046
P/E	9.8

DT thuần
2024
448
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 24.0| 5.7%

LN thuần
2024
71.5
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 7.90| 12.4%

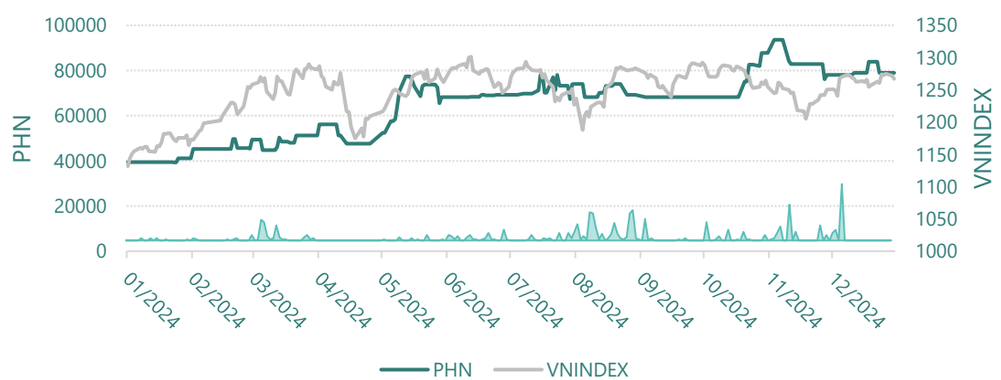
LN sau thuế
2024
58.4
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 7.40| 14.4%

Cơ cấu sở hữu

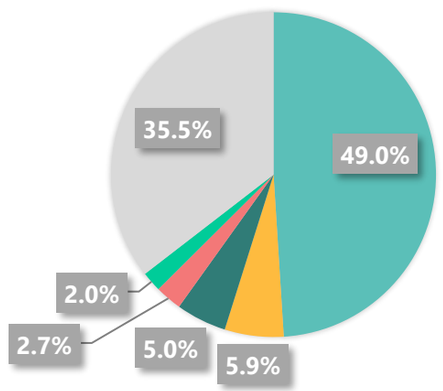


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



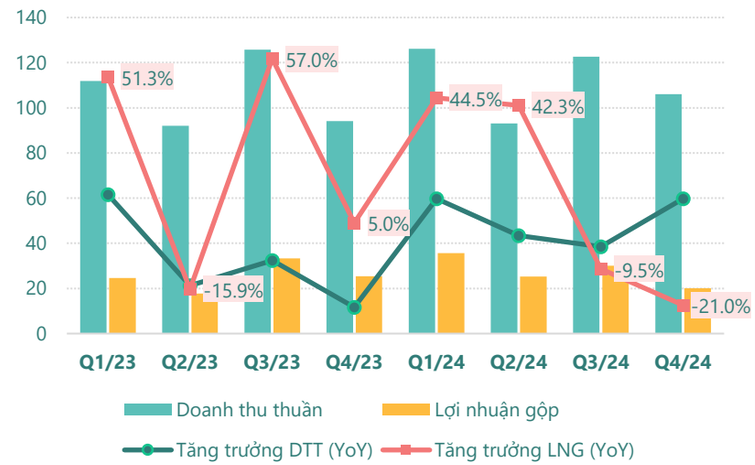
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

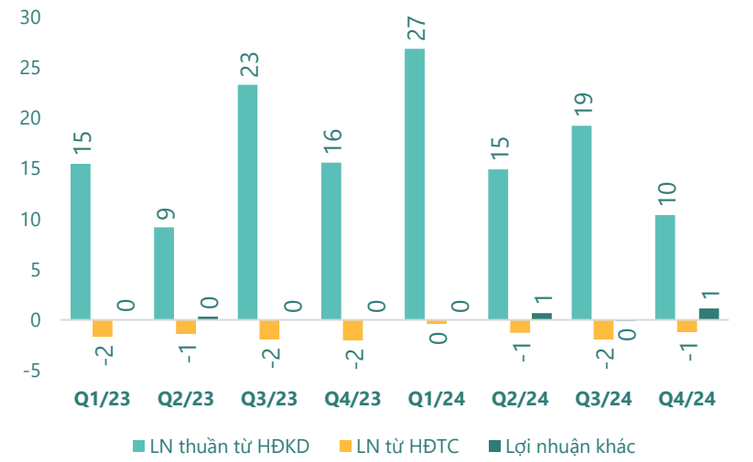
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



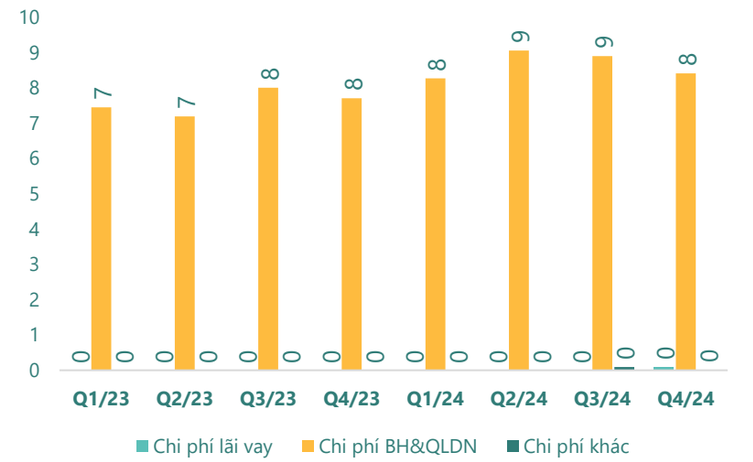
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



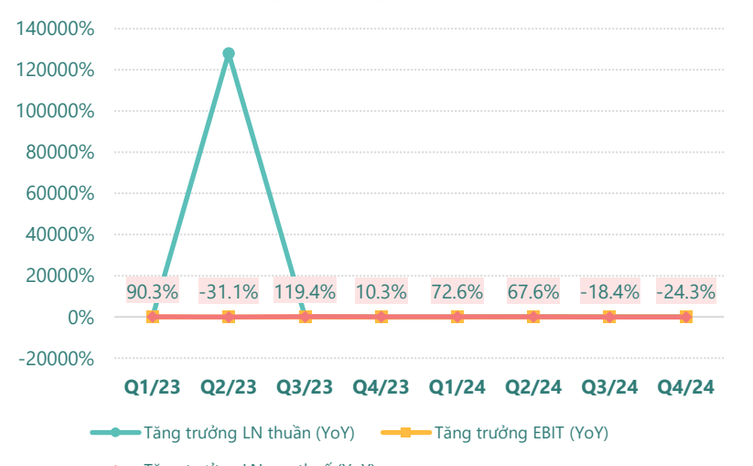
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



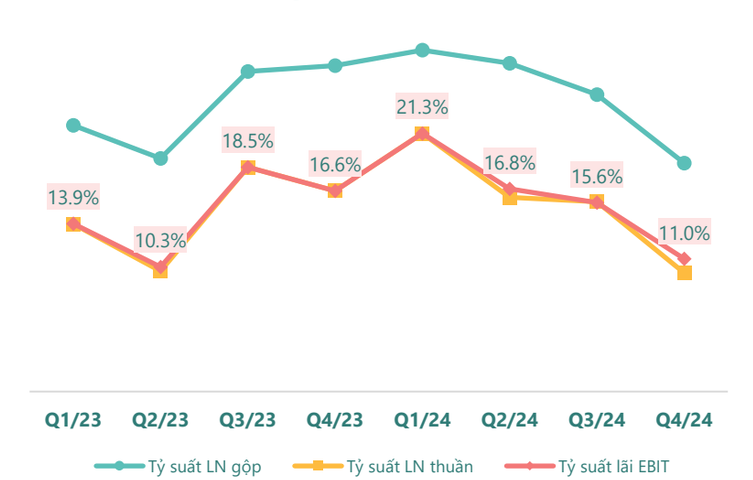
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



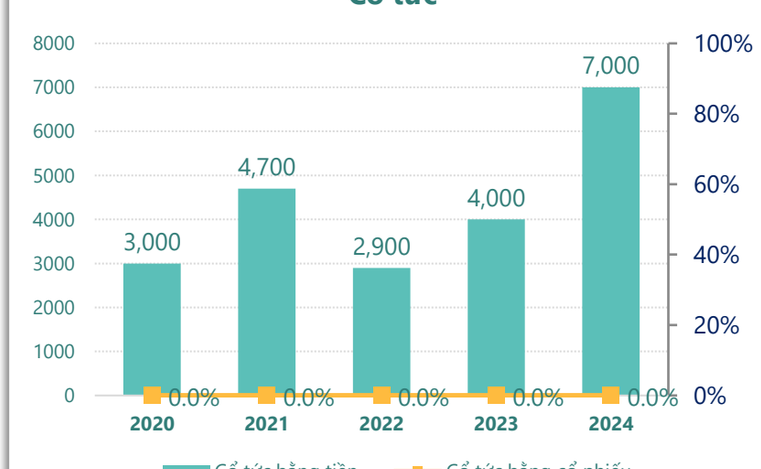
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

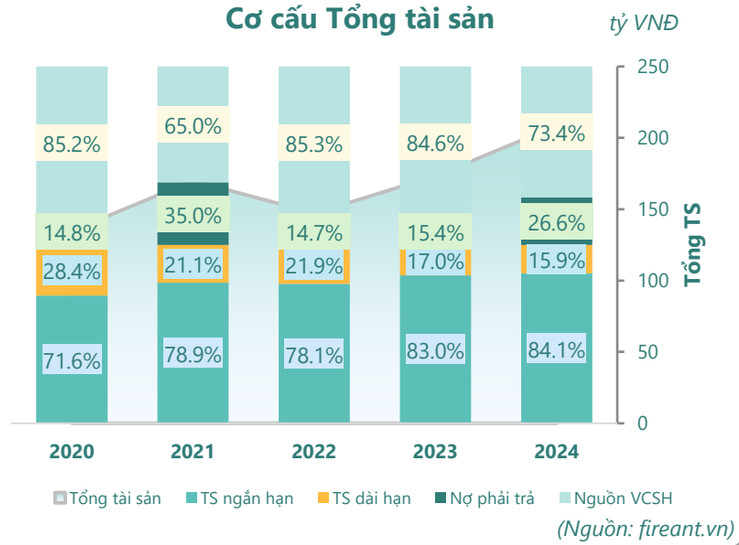
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

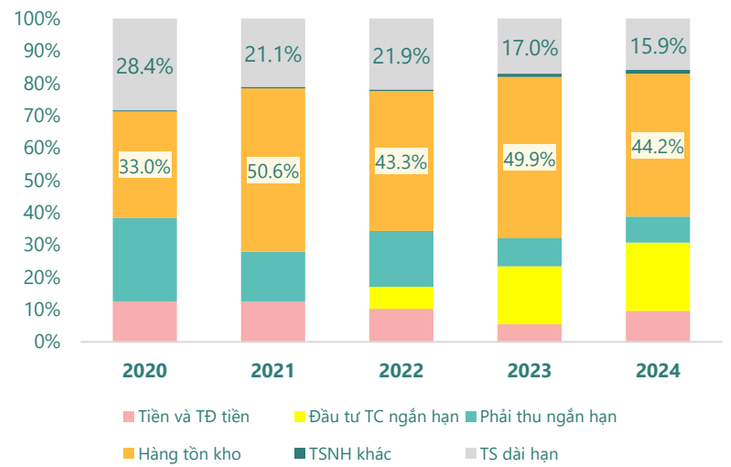
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



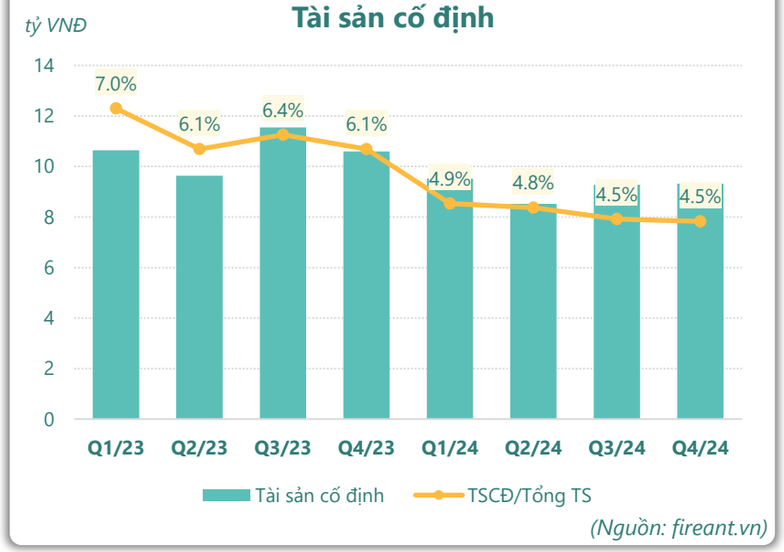
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



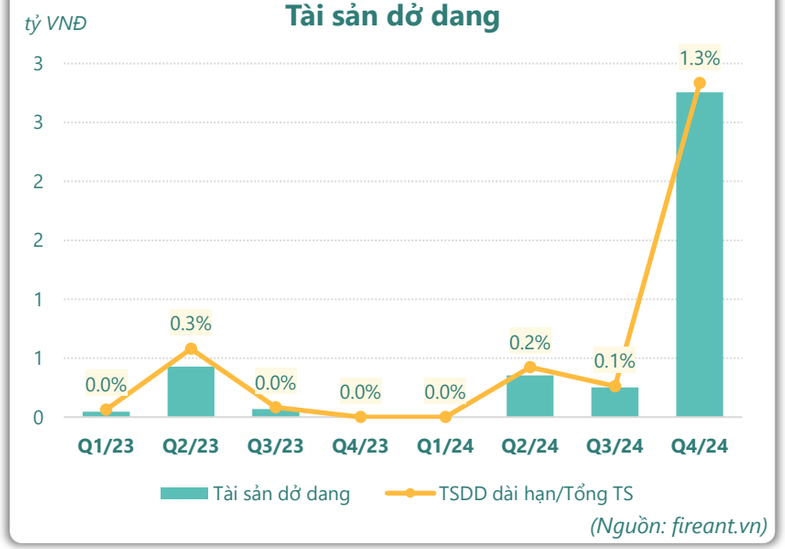
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



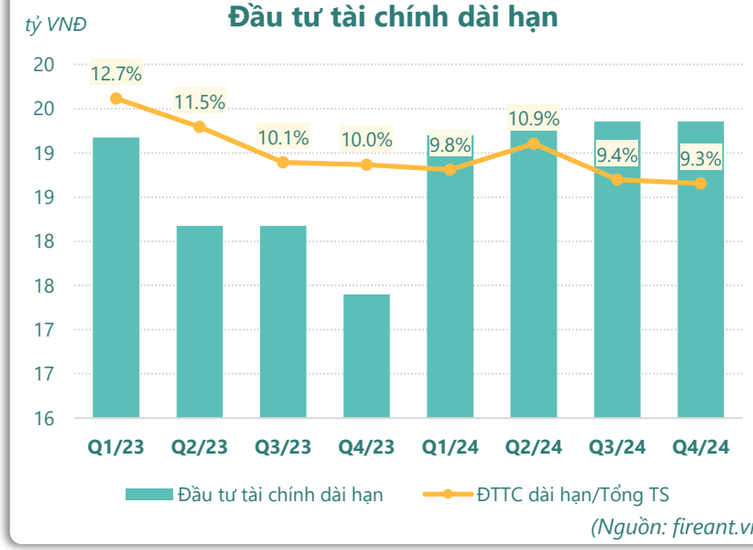
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



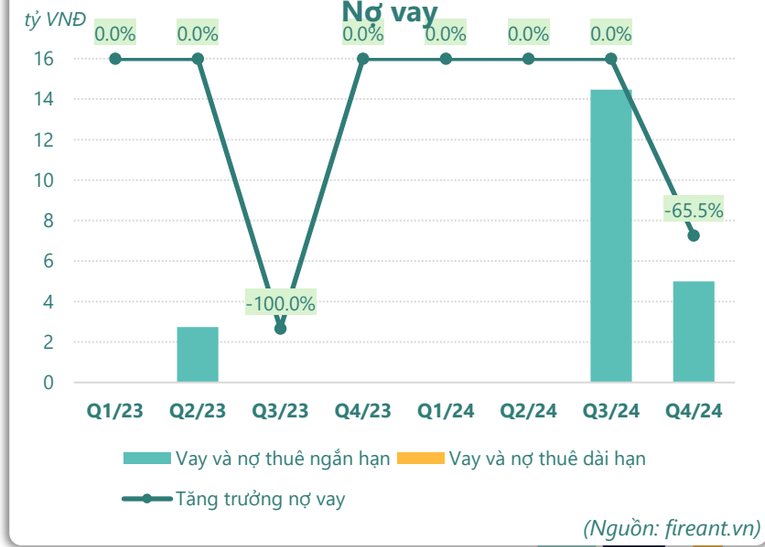
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

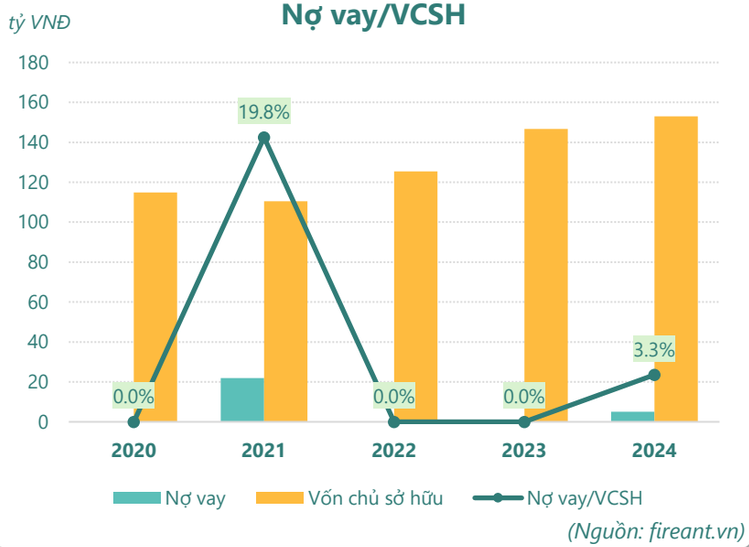
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

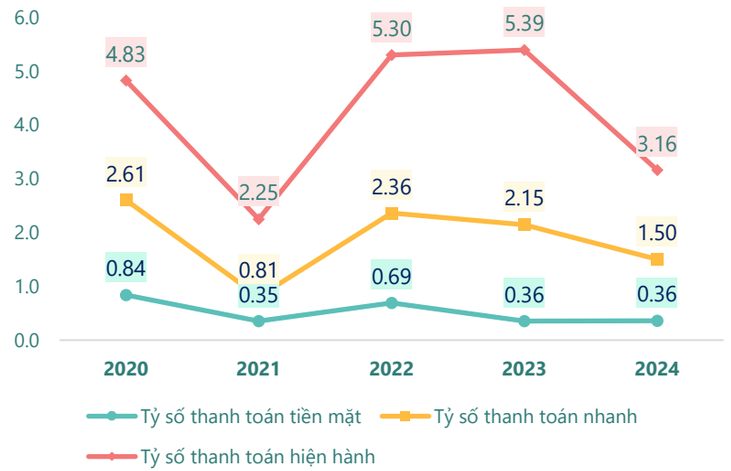
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



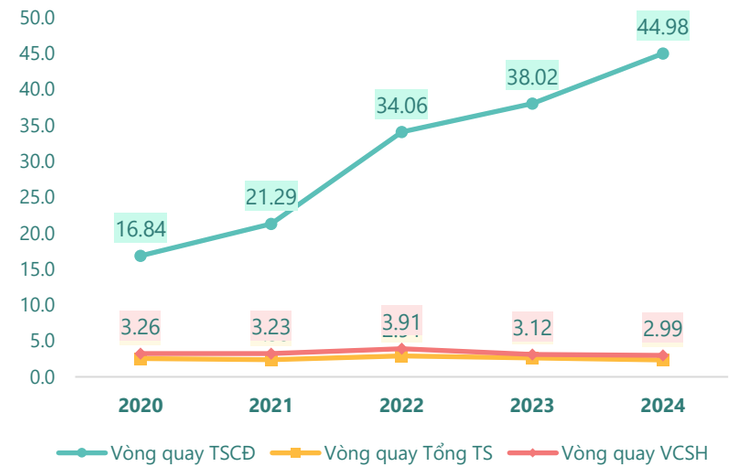
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



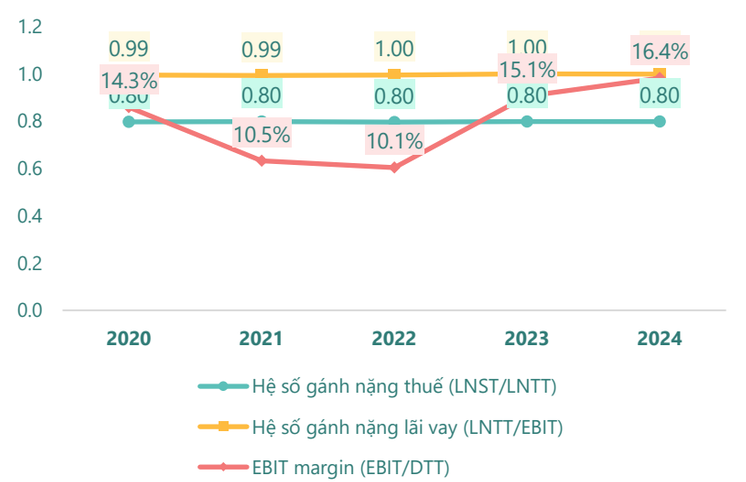
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



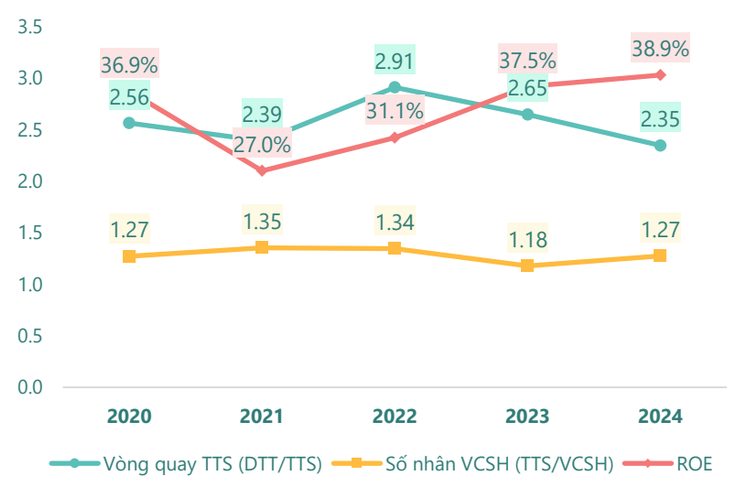
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



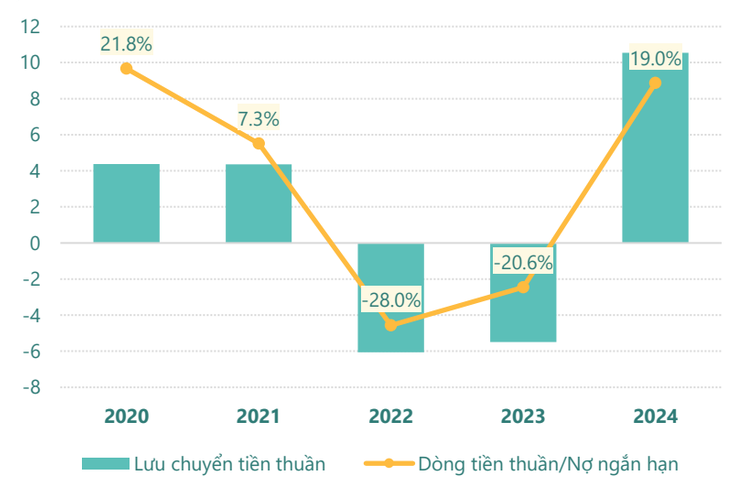
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**106**	**94.1**	**12.7%**	**448**	**424**	**5.7%**
Giá vốn hàng bán	86.0	68.7	25.2%	337	323	4.3%
Lợi nhuận gộp	20.0	25.3	-20.9%	111	101	9.9%
Doanh thu HĐTC	1.39	0.88	58.4%	3.64	3.27	11.4%
Chi phí TC	2.60	2.90	-10.4%	8.47	10.3	-17.6%
Chi phí lãi vay	0.10	0.00		0.10	0.01	973%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	2.93	2.74	6.9%	12.9	11.3	14.4%
Chi phí QLDN	**5.49**	**4.97**	**10.4%**	**21.8**	**19.1**	**13.9%**
LN thuần từ HĐKD	10.4	15.6	-33.4%	71.5	63.6	12.4%
Lợi nhuận khác	**1.12**	**0.00**		**1.69**	**0.33**	**413%**
LN trước thuế	11.5	15.6	-26.2%	73.2	63.9	14.5%
Lợi nhuận sau thuế	**9.11**	**12.4**	**-26.6%**	**58.4**	**51.0**	**14.4%**
LNST của CĐ cty mẹ	**9.11**	**12.4**	**-26.6%**	**58.4**	**51.0**	**14.4%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	42.3	-10.9	30.9	13.3	-3.21	11.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-16.4	9.31	-20.0	10.1	-9.38	7.66
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-2.77	-21.8	-0.03	-36.2	15.4	-9.18
Tiền đầu kỳ	9.75	32.8	9.48	20.4	7.54	10.3
Lưu chuyển tiền thuần	**23.1**	**-23.3**	**10.9**	**-12.9**	**2.76**	**9.74**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.09	0.00	0.00	0.01	-0.01	0.01
Tiền cuối kỳ	32.8	9.48	20.4	7.54	10.3	20.0

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**208**	**173**	**20.2%**
Tài sản ngắn hạn	175	144	21.8%
Tiền và tương đương tiền	20.0	9.48	111%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	44.0	31.0	41.9%
Phải thu ngắn hạn	16.7	15.0	11.0%
Hàng tồn kho	92.1	86.6	6.3%
Tài sản ngắn hạn khác	2.40	1.73	38.6%
Tài sản dài hạn	**33.2**	**29.5**	**12.3%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	9.32	10.6	-12.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	2.76	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	19.4	17.4	11.2%
Tài sản dài hạn khác	**1.75**	**1.55**	**13.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	55.4	26.7	108%
Nợ ngắn hạn	**55.4**	**26.7**	**108%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	4.99	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	13.5	8.45	59.6%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**153**	**147**	**4.3%**
Vốn chủ sở hữu	**153**	**147**	**4.3%**
Vốn điều lệ	72.5	72.5	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)